

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2011

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100)=110+120+130+140+150</b>	<b>100</b>		<b>155.382.975.471</b>	<b>152.181.931.507</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>16.506.673.598</b>	<b>16.965.750.114</b>
1. Tiền	111		2.206.673.598	11.054.438.116
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.300.000.000	5.911.311.998
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.600.000.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.600.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>38.393.974.098</b>	<b>48.137.750.421</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	36.693.641.213	43.983.381.170
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	2.152.040.079	2.892.053.326
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	214.417.516	1.799.467.062
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.05	(666.124.710)	(537.151.137)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>83.160.178.577</b>	<b>75.587.233.313</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.06	83.243.354.733	75.679.764.380
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.07	(83.176.156)	(92.531.067)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.722.149.198</b>	<b>11.491.197.659</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	15.722.149.198	11.491.197.659
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>102.675.584.266</b>	<b>90.271.131.469</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>99.405.737.234</b>	<b>86.857.935.099</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	39.178.506.710	28.024.963.688
- Nguyên giá	222		78.658.918.778	66.113.533.959
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(39.480.412.068)	(38.088.570.271)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	54.499.619.605	54.120.129.649
- Nguyên giá	228		72.251.110.070	68.941.360.070
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(17.751.490.465)	(14.821.230.421)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	5.727.610.919	4.712.841.762
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-



1	2	3	4	4
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>200.887.800</b>	<b>200.887.800</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	200.887.800	200.887.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.068.959.232</b>	<b>3.212.308.570</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	3.068.959.232	3.212.308.570
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>258.058.559.737</b>	<b>242.453.062.976</b>

NGUỒN VỐN	MãSố	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>99.829.699.948</b>	<b>81.844.513.506</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>71.215.792.751</b>	<b>81.189.067.846</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	2.273.229.056	12.478.099.071
2. Phải trả người bán	312	V.15	24.559.670.120	17.395.965.813
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	10.901.266.211	9.239.393.461
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	9.318.956.401	19.718.696.315
5. Phải trả người lao động	315	V.18	3.024.794.200	6.051.614.358
6. Chi phí phải trả	316	V.19	345.919.794	6.308.396.645
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.20	10.635.678.073	5.665.118.002
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.21	2.148.550.975	1.951.155.681
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.22	8.007.727.921	2.380.628.500
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>28.613.907.197</b>	<b>655.445.660</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	28.547.284.076	576.087.067
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		66.623.121	79.358.593
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>158.228.859.789</b>	<b>160.608.549.470</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>158.228.859.789</b>	<b>160.608.549.470</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	112.000.000.000	112.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	11.273.322.729	4.975.525.388
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	3.710.745.599	1.647.708.473
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	31.244.791.461	41.985.315.609
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-



1	2	3	4	5
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)</b>	<b>430</b>		<b>258.058.559.737</b>	<b>242.453.062.976</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

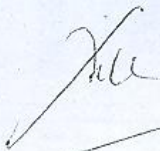
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		2.785.955	2.785.955
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		125.927.935	113.779.435
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 17 tháng 08 năm 2011

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Xuân Hiếu



Trần Văn Bình



*Handwritten signature of Võ Văn Lĩnh*  
 Võ Văn Lĩnh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)  
**Quý II năm 2011**

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Quý II/2011		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	4	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	112.317.862.060	77.947.394.976	167.190.321.278	124.487.420.268
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.1	0	48.946.259	0	48.946.259
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02 )	10	VI.1	112.317.862.060	77.898.448.717	167.190.321.278	124.438.474.009
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	84.729.412.820	55.907.145.899	123.613.489.090	91.159.841.853
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 - 11 )	20		27.588.449.240	21.991.302.818	43.576.832.188	33.278.632.156
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	853.788.089	726.080.210	2.037.327.513	1.199.114.755
7. Chi phí tài chính	22		1.293.744.216	350.602.729	1.727.317.854	567.478.106
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.293.744.216	350.602.729	1.727.317.854	567.478.106
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	1.062.453.932	857.291.437	1.841.775.848	1.394.666.716
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.863.655.870	2.974.461.611	6.032.535.714	5.667.334.625
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		23.222.383.311	18.535.027.251	36.012.530.285	26.848.267.464



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2  
 45 A Nguyễn Văn Tiết-Thuận An-Bình Dương  
 Mã số thuế: 3700146225

Mẫu số B 02a - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20-03-2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Quý III/2011		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	4	4	5
11. Thu nhập khác	31	VI.6	122.216.634	531.172.145	984.335.093	969.376.337
12. Chi phí khác	32	VI.7	53.898.500	16.424.669	330.258.195	26.237.110
13. Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40		68.318.134	514.747.476	654.076.898	943.139.227
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		23.290.701.445	19.049.774.727	36.666.607.183	27.791.406.691
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.19	5.822.675.361	4.762.443.682	9.166.651.796	6.947.851.673
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN ( 60 = 50 - 51 - 52)	60		17.468.026.084	14.287.331.045	27.499.955.387	20.843.555.018
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.560	1.276	2.455	1.861

Lập biểu

*(Signature)*

Nguyễn Xuân Hiếu

Kế toán trưởng

*(Signature)*

Trần Văn Bình

Ngày 17 tháng 08 năm 2011  
 Tổng Giám đốc



*(Signature)*  
 Võ Văn Lành



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2  
 45 A Nguyễn Văn Tiết-Thuận An-Bình Dương  
 Mã số thuế: 3700146225

Mẫu số B 03a -DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Quý II năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01		166.510.702.982	64.586.528.560
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(100.767.447.295)	(49.356.520.496)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.280.844.530)	(8.510.757.412)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.513.340.540)	(198.812.780)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(16.551.791.961)	(378.827.928)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.731.800.558	2.851.982.372
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.051.970.076)	(7.682.314.167)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>14.077.109.138</b>	<b>1.311.278.149</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.078.445.528)	(980.184.603)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		250.000.000	390.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		900.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.962.237.330	468.187.245
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(15.466.208.198)</b>	<b>(121.997.358)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		30.273.229.056	2.024.027.140
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.558.099.071)	(8.114.129.002)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.785.107.441)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>930.022.544</b>	<b>(6.090.101.862)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(459.076.516)</b>	<b>(4.900.821.071)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>16.965.750.114</b>	<b>31.382.983.254</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	VII.34	<b>16.506.673.598</b>	<b>26.482.162.183</b>

Ngày 17 tháng 08 năm 2011

Lập biểu

Kế toán trưởng

Trưởng giám đốc

Nguyễn Xuân Hiếu

Võ Văn Lĩnh





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý 2 năm 2011**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất và xây dựng.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất đá, bê tông, kinh doanh bất động sản và xây dựng các công trình.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính 2010 là năm hoạt động thứ hai của Công ty kể từ khi Công ty chuyển sang Công ty Cổ phần.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



## CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

MST: 3700146225

Công ty tổ chức mô hình kế toán tập trung, toàn bộ chứng từ và số liệu của các chi nhánh được tập trung và hạch toán tại Văn phòng Công ty nên tại các chi nhánh không có báo cáo riêng.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 35
Máy móc, thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

### 6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất tại mỏ đá Tân Đông Hiệp được khấu hao trong 6 năm (đến 31/12/2013) để phù hợp với thời gian khai thác mỏ đá theo quy định.

### 7. Đầu tư tài chính



## **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

MST: 3700146225

---

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **8. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không vượt quá 40 tháng.

#### ***Lợi thế thương mại***

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu trên Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 27 tháng 12 năm 2007 của các cơ quan chức năng có liên quan. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 36 tháng.

### **9. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **10. Các khoản dự phòng phải trả**

#### ***Trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp***

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành, với mức trích lập từ 1% đến 2% doanh thu lũy kế của các công trình xây lắp bàn giao trong năm. Chi phí này được hạch toán vào chi phí sản xuất chung và kết chuyển vào giá vốn trong năm.

#### ***Trích lập dự phòng phục hồi môi trường mỏ đá***

Dự phòng phục hồi môi trường mỏ đá được trích lập căn cứ vào báo cáo tác động môi trường dự án khai thác mở rộng và xuống sâu cụm mỏ đá xây dựng Tân Đông Hiệp được phê duyệt tại Quyết định số 854/QĐ-BTNMT ngày 05 tháng 5 năm 2009 do Bộ tài nguyên môi trường cấp và quyết định số 244/QĐ-BTMMT ngày 11/02/2011 của Bộ Tài nguyên Môi trường về việc phê duyệt dự án cải tạo phục hồi môi trường của dự án “Khai thác, mở rộng và xuống sâu cụm mỏ đá xây dựng Tân Đông Hiệp”. Theo quyết định này, tổng dự toán chi phí phục hồi môi trường tại mỏ 3-2 là 1.310.181.298 VND được trích trong 5 năm, với chi phí mỗi năm cần trích lập là 262.036.260 VND. Riêng năm 2011 do phải trích bổ sung số chênh lệch tạm trích của 2 năm 2009 và 2010 nên số trích lập là 394.790.586 VND. Chi phí này được hạch toán vào chi phí sản xuất chung và kết chuyển vào giá vốn trong năm.

### **11. Trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho nhân viên đối với thời gian đã làm việc tại doanh nghiệp trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp thôi việc là 01% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp dự phòng trợ cấp thôi việc không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của



## CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

MST: 3700146225

người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

### 12. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty và biên bản đại hội cổ đông thường niên.

### 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông



## **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

MST: 3700146225

---

được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **15. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### **16. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương  
MST: 3700146225**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	974.394.134	238.753.779
Tiền gửi ngân hàng	1.232.279.464	10.815.684.337
Các khoản tương đương tiền <i>(Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng)</i>	14.300.000.000	5.911.311.998
<b>Cộng</b>	<b><u>16.506.673.598</u></b>	<b><u>16.965.750.114</u></b>

**2. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng - tiền nền đất	7.140.651.268	7.280.143.468
Phải thu khách hàng - công trình	8.755.994.721	20.991.563.005
Phải thu khách hàng - tiền đá	11.054.995.426	8.635.723.040
Phải thu khách hàng khác	9.741.999.798	7.075.951.657
<b>Cộng</b>	<b><u>36.693.641.213</u></b>	<b><u>43.983.381.170</u></b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
DNTN Anh Long	372.000.000	
Công ty TNHH TT NT Nguyễn Vũ	356.862.000	110.760.000
DNTN Lưu Hùng	199.650.000	
Công ty TNHH SX Thiết bị áp lực Đông Anh	156.937.000	107.250.000
Cơ sở Trúc Anh	147.000.000	
Cơ sở cơ khí Trung Việt	69.984.200	430.240.800
Công ty TNHH kỹ thuật Hoàng Thịnh		636.900.000
Công ty TNHH TM cơ khí Hòa Bình		336.600.000
Công ty TNHH Hữu Toàn Việt Nam		209.682.000
Công ty xe lửa Dĩ An		204.000.000
Các nhà cung cấp khác	849.606.879	856.620.526
<b>Cộng</b>	<b><u>2.152.040.079</u></b>	<b><u>2.892.053.326</u></b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cổ phần hóa của Văn phòng tỉnh ủy Bình Dương	-	36.272.727
Phải thu tiền cho các đội thi công mượn tiền	44.807.906	135.000.000
Phải thu tiền công trình tạm tính	-	1.369.415.907
Các khoản phải thu khác	169.609.610	258.778.428
<b>Cộng</b>	<b><u>214.417.516</u></b>	<b><u>1.799.467.062</u></b>



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

MST: 3700146225

**5. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn**

Dự phòng phải thu khó đòi đối với khách hàng thuê thiết bị thi công, khách hàng mua đá, nhân viên đã nghỉ việc và một số nhà cung ứng khác. Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	537.151.137	512.207.831
Trích lập dự phòng	128.973.573	24.943.306
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>666.124.710</u></b>	<b><u>537.151.137</u></b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	17.569.231.529	17.949.776.624
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.653.082.065	11.843.558.853
Thành phẩm	2.646.243.474	1.311.794.200
Hàng hóa	-	-
Hàng hóa bất động sản	37.646.408.621	41.148.354.778
Hàng gửi đi bán	2.728.389.044	3.426.279.925
<b>Cộng</b>	<b><u>83.243.354.733</u></b>	<b><u>75.679.764.380</u></b>

**7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng cho nguyên vật liệu sơn nước tồn cuối năm và gạch thành phẩm trong giai đoạn sản xuất thử. Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	92.531.067	87.471.713
Trích lập dự phòng	0	-
Hoàn nhập dự phòng	(9.354.911)	5.059.354
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>83.176.156</u></b>	<b><u>92.531.067</u></b>

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	4.944.835	43.042.312
Tạm ứng	14.493.148.229	10.820.574.439
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.224.056.134	627.580.908
<b>Cộng</b>	<b><u>15.722.149.198</u></b>	<b><u>11.491.197.659</u></b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.391.050.089	44.705.555.407	9.643.549.363	1.373.379.100	66.113.533.959
Tăng trong năm	3.590.169.390	9.799.324.596	1.093.610.000	474.761.091	14.957.865.077
Mua sắm mới		9.799.324.596	1.093.610.000	474.761.091	11.367.695.687
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.590.169.390				3.590.169.390
Giảm trong năm		(2.412.480.258)			(2.412.480.258)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>13.981.219.479</u></b>	<b><u>52.092.399.745</u></b>	<b><u>10.737.159.363</u></b>	<b><u>1.848.140.191</u></b>	<b><u>78.658.918.778</u></b>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.382.187.730	12.424.630.985	853.528.395	553.824.749	15.214.171.859



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

MST: 3700146225

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	3.630.712.029	27.459.515.127	6.360.411.364	637.931.751	38.088.570.271
Tăng trong năm	378.307.755	2.464.720.500	529.184.153	174.568.775	3.546.781.183
Tăng khác					-
Giảm trong năm		(2.154.939.386)			(2.154.939.386)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.009.019.784</b>	<b>27.769.296.241</b>	<b>6.889.595.517</b>	<b>812.500.526</b>	<b>39.480.412.068</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	6.760.338.060	17.246.040.280	3.283.137.999	735.447.349	28.024.963.688
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>9.972.199.695</b>	<b>24.323.103.504</b>	<b>3.847.563.846</b>	<b>1.035.639.665</b>	<b>39.178.506.710</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>	68.856.440.070	84.920.000	68.941.360.070
Số đầu năm	3.309.750.000		3.309.750.000
Tăng trong năm	<b>72.166.190.070</b>	<b>84.920.000</b>	<b>72.251.110.070</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
<i>Trong đó:</i>	3.374.020.023	-	3.374.020.023
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
<b>Giá trị hao mòn</b>	14.810.615.422	10.614.999	14.821.230.421
Số đầu năm	2.909.030.046	21.229.998	2.930.260.044
Khấu hao trong năm	<b>17.719.645.468</b>	<b>31.844.997</b>	<b>17.751.490.465</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
<b>Giá trị còn lại</b>	54.045.824.648	74.305.001	54.120.129.649
Số đầu năm	<b>54.446.544.602</b>	<b>53.075.003</b>	<b>54.499.619.605</b>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>68.856.440.070</b>	<b>84.920.000</b>	<b>68.941.360.070</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Các quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Bình Dương, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị còn lại tại 31/03/2011
Quyền sử dụng đất khu đất Xưởng cơ khí 3-2	15.109.379.790	14.260.743.360
Quyền sử dụng đất khu đất Văn phòng Công ty	21.432.015.933	20.069.224.990
<b>Cộng</b>	<b>36.541.395.723</b>	<b>34.329.968.350</b>



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

MST: 3700146225

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Khu đất Long Nguyên	2.925.799.303	7.404.047.407	(6.703.294.929)	-	3.626.551.781
Đất mở rộng xí nghiệp cơ khí	-	1.250.000.000	-	-	1.250.000.000
Văn phòng XN Cơ khí và Bê tông	1.600.402.902	1.696.557.462	(2.498.747.537)	(798.212.827)	-
Các công trình khác	186.639.557	1.351.772.760	(687.353.179)	-	851.059.138
<b>Cộng</b>	<b>4.712.841.762</b>	<b>11.702.377.629</b>	<b>(9.889.395.645)</b>	<b>(798.212.827)</b>	<b>5.727.610.919</b>

**12. Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng tổng hợp Bình Dương. Số cổ phiếu hiện Công ty đang nắm giữ là 18.098, chiếm tỷ lệ 3.52%.

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối kỳ
Chi phí công cụ dụng cụ	1.966.626.149	220.913.100	(738.784.213)	1.448.755.036
Hàng rào bảo vệ KDC N.V.Tiết	-	136.362.032	-	136.362.032
Lợi thế doanh nghiệp theo định giá cổ phần hóa	53.379.048	-	(53.379.048)	-
Nhà xe xí nghiệp Xây lắp	-	169.553.102	-	169.553.102
Chi phí thuê đất xưởng gạch	-	419.575.200	(48.646.400)	370.928.800
Chi phí làm nhà kho	432.212.872	-	(80.755.378)	351.457.494
Chi phí cải tạo Showroom	320.245.077	-	(58.226.378)	262.018.699
Chi phí khoan thăm dò mỏ đá	439.845.424	-	(109.961.355)	329.884.069
<b>Cộng</b>	<b>3.212.308.570</b>	<b>946.403.434</b>	<b>(1.089.752.772)</b>	<b>3.068.959.232</b>

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

Vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11). Khoản vay này sẽ đáo hạn trong vòng 6 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.478.099.071	10.598.484.534
Số tiền vay phát sinh	2.273.229.056	22.708.465.468
Số tiền vay đã trả	(12.478.099.071)	(20.828.850.931)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.273.229.056</b>	<b>12.478.099.071</b>



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương  
MST: 3700146225**15. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hợp tác xã Phúc Tài	3.643.937.687	1.360.750.287
Công ty TNHH Phúc Lộc	2.393.692.706	908.732.418
Công ty TNHH xi măng Phúc Tiến	1.143.280.600	114.515.200
DNTN Phước Hậu	1.103.801.030	1.264.161.762
Công ty CP ĐT XD B.M.T	1.079.785.881	
Công ty TNHH MTV Hoàng Phương Đông	1.046.975.767	795.963.005
Công ty CP VLXD Thế Giới Nhà	795.639.000	22.540.000
DNTN Lê Thị Kim Liên	788.379.816	60.211.743
Công ty cơ khí đúc Duyên Hải	647.018.001	647.018.001
Công ty TNHH Mai Long Phước	456.315.320	611.931.449
Cơ sở hàn tiện Đào Kim Anh	185.728.600	524.725.800
Công ty Cổ phần XNK Petrolimex		697.728.000
Công ty Vật liệu xây dựng số 1		601.072.899
Công ty TNHH Bình Đường		548.948.896
Các nhà cung cấp khác	11.275.115.712	9.237.666.353
<b>Cộng</b>	<b><u>24.559.670.120</u></b>	<b><u>17.395.965.813</u></b>

**16. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước tiền đất	497.075.000	
Ứng trước tiền công trình	8.139.368.882	7.725.927.863
Ứng trước tiền đá	1.219.893.764	163.395.503
Ứng trước khác	1.044.928.565	1.350.070.095
<b>Cộng</b>	<b><u>10.901.266.211</u></b>	<b><u>9.239.393.461</u></b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Điều chỉnh</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.409.826.543	3.928.223.713	(5.885.791.076)	-	1.452.259.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.051.791.961	9.166.651.796	(16.551.791.961)	-	6.666.651.796
Thuế thu nhập cá nhân	160.604.096	569.812.879	(258.899.350)	-	471.517.625
Thuế tài nguyên	1.829.396.415	3.481.077.864	(4.955.220.179)	278.091.200	633.345.300
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	267.077.300	525.258.516	(419.062.116)	(278.091.200)	95.182.500
<b>Cộng</b>	<b><u>19.718.696.315</u></b>	<b><u>17.674.024.768</u></b>	<b><u>(20.880.593.615)</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>9.318.956.401</u></b>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10% cho tất cả các hoạt động.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.13.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

MST: 3700146225

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tạm tính như sau:

	<u>Hoạt động kinh doanh</u>	<u>Hoạt động chuyển quyền sử dụng đất</u>	<u>Cộng</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.077.353.788	1.213.347.657	23.290.701.445
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:			
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-	-
<i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	-	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	22.077.353.788	1.213.347.657	23.290.701.445
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>5.519.338.447</b>	<b>303.336.914</b>	<b>5.822.675.361</b>

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá theo giá bán bình quân sản phẩm đá học hàng tháng (tối thiểu là 110.000 VND/m<sup>3</sup>), thuế suất 6%.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**18. Phải trả người lao động**

Lương tháng 06/2011, tiền ăn giữa ca quý 2/2010, tiền trực đêm còn phải trả cho người lao động.

**19. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình xây dựng	-	6.238.396.645
Lãi vay	280.000.000	-
Chi phí khác	65.919.794	70.000.000
<b>Cộng</b>	<b>345.919.794</b>	<b>6.308.396.645</b>

**20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	111.757.668	95.302.353
Bảo hiểm xã hội	-	-
Phải trả về cổ phần hóa	62.286.364	5.355.000
Tạm giữ chờ quyết toán của các Đội thi công và Nhà thầu phụ	1.964.657.642	2.040.637.269
Thù lao Hội đồng quản trị	455.497.000	1.086.600.000
Phải trả tiền bồi thường hộ dân chung cư Nguyễn Văn Tiết	285.643.450	285.643.450
Cổ tức năm 2009 còn phải trả	3.359.580	1.237.407.416
Cổ tức năm 2010 còn phải trả	6.735.000.000	
Các khoản phải trả khác	1.017.476.369	914.172.514
<b>Cộng</b>	<b>10.635.678.073</b>	<b>5.665.118.002</b>



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương  
MST: 3700146225**21. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả liên quan đến việc bảo hành xây lắp công trình và chi phí phục hồi môi trường Xí nghiệp đá xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<b>Bảo hành công trình xây lắp</b>	<b>Phục hồi môi trường mỏ đá</b>	<b>Tổng dự phòng</b>
Số đầu năm	1.559.837.487	391.318.194	1.951.155.681
Tăng do trích lập trong năm		197.395.294	197.395.294
Sử dụng trong năm			-
Hoàn nhập trong năm			-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.559.837.487</b>	<b>588.713.488</b>	<b>2.148.550.975</b>

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Tăng khác</b>	<b>Chi quỹ trong năm</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Quỹ khen thưởng	349.427.637	3.148.898.671	-	(561.000.000)	2.937.326.308
Quỹ phúc lợi	1.936.281.593	3.148.898.670	-	(487.566.388)	4.597.613.875
Quỹ thưởng Ban điều hành quản lý	94.919.270	1.259.559.468	-	(881.691.000)	472.787.738
<b>Cộng</b>	<b>2.380.628.500</b>	<b>7.557.356.809</b>	<b>-</b>	<b>(1.930.257.388)</b>	<b>8.007.727.921</b>

**23. Vay và nợ dài hạn**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</b>	<b>Số tiền vay đã trả trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương (*)	-	28.000.000.000	-	28.000.000.000
Vay dài hạn Ông Đinh Văn Thịnh (**)	576.087.067	51.197.009	(80.000.000)	547.284.076
<b>Cộng</b>	<b>576.087.067</b>	<b>28.051.197.009</b>	<b>(80.000.000)</b>	<b>28.547.284.076</b>

(\*) Khoản vay dài hạn Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương để đầu tư khu nhà xưởng bê tông ly tâm Long Nguyên tại Bến Cát. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(\*\*) Khoản vay dài hạn Ông Đinh Văn Thịnh để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

**24. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm trước	112.000.000.000	-	-	33.170.169.258	145.170.169.258
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	41.985.315.609	41.985.315.609
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	4.975.525.388	1.658.508.463	-11.609.559.240	-4.975.525.389
Chia cổ tức	-	-	-	-21.560.610.018	-21.560.610.018
Giảm do sử dụng quỹ	-	-	-10.799.990	-	-10.799.990
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>112.000.000.000</b>	<b>4.975.525.388</b>	<b>1.647.708.473</b>	<b>41.985.315.609</b>	<b>160.608.549.470</b>



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

MST: 3700146225

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	112.000.000.000	4.975.525.388	1.647.708.473	41.985.315.609	160.608.549.470
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	27.499.955.387	27.499.955.387
Trích lập các quỹ trong năm	-	6.297.797.341	2.099.265.780	(15.954.419.930)	(7.557.356.809)
Chia cổ tức	-	-	-	(22.286.059.605)	(22.286.059.605)
Giảm do sử dụng quỹ	-	-	(36.228.654)	-	(36.228.654)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>112.000.000.000</b>	<b>11.273.322.729</b>	<b>3.710.745.599</b>	<b>31.244.791.461</b>	<b>158.228.859.789</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước - Văn phòng tỉnh ủy Bình Dương	57.120.000.000	57.120.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	54.880.000.000	54.880.000.000
<b>Cộng</b>	<b>112.000.000.000</b>	<b>112.000.000.000</b>

**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Trả cổ tức năm trước	16.785.107.441
Tạm ứng cổ tức	-
<b>Cộng</b>	<b>16.785.107.441</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.200.000	11.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.200.000	11.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.200.000	11.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.200.000	11.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.200.000	11.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương  
MST: 3700146225**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Quý 2 năm 2011</b>	<b>Quý 2 năm 2010</b>
Tổng doanh thu (*)	112.317.862.060	77.947.394.976
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	4.664.470.322	2.709.441.859
- Doanh thu bán thành phẩm	67.682.898.496	42.202.825.500
- Doanh thu xây dựng	31.142.411.410	28.690.590.385
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.882.068.120	3.611.884.596
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.323.050.910	80.021.818
- Doanh thu bán hàng hóa	1.622.962.802	652.630.818
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	-	(48.946.256)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>112.317.862.060</b>	<b>77.898.448.717</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	4.664.470.322	2.709.441.859
- Doanh thu bán thành phẩm	67.682.898.496	42.153.879.241
- Doanh thu xây dựng	31.142.411.410	28.690.590.385
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.882.068.120	3.611.884.596
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.323.050.910	80.021.818
- Doanh thu bán hàng hóa	1.622.962.802	652.630.818

(\*) Trong tổng doanh thu bao gồm doanh thu nội bộ là 22.235.465.952 VND.

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Quý 2 năm 2011</b>	<b>Quý 2 năm 2010</b>
Giá vốn bán nguyên vật liệu	4.137.841.629	2.461.135.117
Giá vốn bán thành phẩm	43.761.437.018	24.616.539.073
Giá vốn xây dựng	30.712.984.455	24.744.995.971
Giá vốn dịch vụ	3.442.301.060	2.960.315.948
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.109.703.253	31.557.016
Giá vốn hàng hóa	1.574.500.316	627.175.964
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.354.911)	465.426.810
<b>Cộng</b>	<b>84.729.412.820</b>	<b>55.907.145.899</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Quý 2 năm 2011</b>	<b>Quý 2 năm 2010</b>
Lãi tiền gửi	853.788.089	698.933.015
Cổ tức, lợi nhuận được chia		27.147.195
<b>Cộng</b>	<b>853.788.089</b>	<b>726.080.210</b>

**4. Chi phí bán hàng**

	<b>Quý 2 năm 2011</b>	<b>Quý 2 năm 2010</b>
Chi phí vận chuyển	1.062.453.932	852.100.604
Chi phí khác		5.190.833
<b>Cộng</b>	<b>1.062.453.932</b>	<b>857.291.437</b>



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

MST: 3700146225

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý 2 năm 2011</u>	<u>Quý 2 năm 2010</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.832.891.189	1.527.665.089
Chi phí nguyên vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	101.369.169	122.688.177
Chi phí khấu hao tài sản cố định	242.060.833	274.943.505
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	57.537.210	416.104.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.290.701	174.025.501
Chi phí khác	506.506.768	459.034.979
<b>Cộng</b>	<b><u>2.863.655.870</u></b>	<b><u>2.974.461.611</u></b>

**6. Thu nhập khác**

	<u>Quý 2 năm 2011</u>	<u>Quý 2 năm 2010</u>
Lệ phí chuyển nhượng nền, cấp QSD đất	1.363.635	90.000.002
Phạt nhân viên vi phạm hành chính	3.128.000	-10.587.655
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	76.216.193	388.208.325
Thu nhập khác	41.508.806	63.551.473
<b>Cộng</b>	<b><u>122.216.634</u></b>	<b><u>531.172.145</u></b>

**7. Chi phí khác**

	<u>Quý 2 năm 2011</u>	<u>Quý 2 năm 2010</u>
Tiền phạt hành chính	4.950.000	8.600.000
Chi phí thanh lý tài sản	0	7.797.027
Chi phí khác	48.948.500	27.642
<b>Cộng</b>	<b><u>53.898.500</u></b>	<b><u>16.424.669</u></b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Quý 2 năm 2011</u>	<u>Quý 2 năm 2010</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.468.026.084	14.287.331.045
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.468.026.084	14.287.331.045
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.200.000	11.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.560</u></b>	<b><u>1.276</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Quý 2 năm 2011</u>	<u>Quý 2 năm 2010</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.200.000	11.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b><u>11.200.000</u></b>	<b><u>11.200.000</u></b>



## CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương  
MST: 3700146225

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Văn phòng tỉnh ủy Bình Dương	Cổ đông nhà nước
Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu Bình Dương	Trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy Bình Dương
Công ty Thuốc lá Bình Dương	Trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy Bình Dương
Công ty Cổ phần Trung Thành	Trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy Bình Dương

Tại ngày kết thúc quý, công nợ phải trả với Văn phòng tỉnh ủy Bình Dương:

Phải trả cổ phần hóa	62.286.364
Vay trung hạn	28.000.000.000
Lấy vay	280.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28.342.286.364</b>

#### 2. Thông tin khác

Theo quyết định số 256-QĐ/TU ngày 08/08/2011, cổ phần Đảng nắm giữ tại Công ty (5.712.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ) được chuyển về cho Tổng Công ty một thành viên Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương quản lý.

Bình Dương, ngày 17 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Xuân Hiếu  
Người lập biểu

Trần Văn Bình  
Kế toán trưởng



Võ Văn Lãnh  
Tổng Giám đốc